TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA
Tỉnh Thanh Hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/KDTM-ST
Ngày 28/11/2018
V/v: "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Năm.

Ông Lê Bỉnh Quyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2018/TLST- KDTM ngày 20 tháng 8 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần T.

Địa chỉ: phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Thương mại cổ phần T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thế Đ, Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần T theo Văn bản ủy quyền số 1244/2018/UQ-VPB ngày 20/6/2018. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Lê Trung K, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 7, xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bầy tại phiên tòa sơ thẩm của đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần T (sau đây gọi là Ngân hàng T) thể hiện:

Ngân hàng T có ký Hợp đồng tín dụng với ông Lê Trung K, nơi ở hiện nay thôn 7, xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa theo hai hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 2969473/HĐTD ngày 10/3/2015 (sau đây gọi là hợp đồng số 1), khế ước nhận nợ số 2969473 ngày 09/3/2015; số tiền vay 500.000.000 đồng; thời gian vay 48 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 12%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 01/4/2015. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,0%/ năm. Các kỳ trả nợ gốc và lãi: Bên vay phải trả nợ gốc và nợ lãi cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 09 hàng tháng, tổng cộng 48 kỳ. Kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên vào ngày 09/4/2015. Gốc và lãi trả theo phương thức niên kim đều. Mục đích sử dụng tiền vay: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình. Phương thức giải ngân: Giải ngân cho bên vay 01 lần bằng theo phương thức chuyển khoản.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay hợp đồng tín dụng số 1 theo hợp đồng thế chấp xe ôtô số 2969473 ngày 05/3/2015 được lập tại Văn phòng Công chứng T tỉnh Thanh Hóa gồm: Xe ôtô tải có mui, nhãn hiệu DONGFENG, số chỗ ngồi 02, trọng tải 14.150kg, Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 007171 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 27/01/2015, số khung D656E3811170, số máy 153087969652, biển kiểm soát 36C-087.54, đứng tên chủ sở hữu ông Lê Trung K, địa chỉ thường trú tại thôn 7, xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình thực hiện hợp đồng số 1 ông Lê Trung K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng T tính đến ngày 23/10/2018 còn nợ: Tiền gốc phải trả 285.489.458 đồng; nợ lãi còn phải trả 90.720.968 đồng; tiền lãi phạt phải trả 17.276.247 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 5129798/HĐTD ngày 10/11/2015 (sau đây gọi là hợp đồng số 2), khế ước nhận nợ số 5129798 ngày 11/11/2015. Số tiền vay 880.000.000 đồng; thời gian vay 72 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 8,99%/năm; mức lãi suất này sẽ được cố định trong vào 24 tháng kể từ ngày giải ngân; hết thời hạn 24 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 01/01/2018. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,5%/năm. Các kỳ trả nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng, tổng cộng 72 kỳ, kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên vào ngày 10/12/2015. Số tiền nợ gốc

mà bên vay phải trả mỗi kỳ là 12.222.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 12.238.000 đồng vào ngày 10/11/2021. Các kỳ trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10; kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 10/12/2015. Mục đích sử dụng tiền vay: Mua xe ôtô nhãn hiệu DONGFENG, số loại HH/L315 30-TM42L.T, mới 100%. Phương thức giải ngân: Giải ngân 01 lần bằng hình thức chuyển khoản.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay hợp đồng số 2 theo hợp đồng thế chấp xe ôtô số 5129798 ngày 10/11/2015 đã đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng thông báo việc kê biên ngày 10/11/2015 gồm xe ôtô tải có mui, nhãn hiệu DONGFENG, số chỗ ngồi 02, trọng tải 17.850kg, Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 018624 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 03/11/2015, số khung M6X7F4053153, số máy 153078158577, biển kiểm soát 36C-139.86, đứng tên chủ sở hữu ông Lê Trung K, địa chỉ thường trú tại thôn 7, xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình thực hiện hợp đồng số 2 ông Lê Trung K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng T tính đến ngày 23/10/2018 còn nợ: Tiền gốc phải trả 550.006.000 đồng; nợ lãi còn phải trả 62.834.723 đồng; tiền lãi phạt phải trả 7.012.879 đồng; hoàn lãi ưu đãi 35.200.000 đồng.

Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa giải quyết buộc ông Lê Trung K phải thanh toán cho Ngân hàng T số tiền còn nợ của hai hợp đồng tín dụng trên là: Nợ gốc quá hạn 835.495.458 đồng; nợ lãi quá hạn 153.555.691 đồng; tiền lãi phạt phải trả 24.289.126 đồng; hoàn lãi ưu đãi 35.200.000 đồng.

Tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến ngày ông Lê Trung K thanh toán hết nợ cho Ngân hàng T. Nếu ông Lê Trung K không trả đúng và đủ số tiền nêu trên, Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm gồm xe ôtô biển kiểm soát 36C-087.54 và xe ôtô biển kiểm soát 36C-139.86 đều mang tên ông Lê Trung K, địa chỉ ở thôn 7, xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa để thu hồi toàn bộ số tiền của ông Lê Trung K còn nợ Ngân hàng T.

Đối với bị đơn ông Lê Trung K, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án cho ông Lê Trung K, ông K đã ký nhận thông báo thụ lý.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông K không có mặt, Tòa án đã làm việc với địa phương xác định ông K hiện nay đang kinh doanh xe vận tải nên thường xuyên đi theo xe, theo chuyến khoảng 3, 4 ngày mới về, rồi 1, 2 ngày sau lại tiếp tục đi theo xe chuyến khác và đã giao giấy triệu tập cho gia đình ông K nhưng ông K không có mặt theo giấy triệu tập. Tòa án đã tiến hành niên yết các văn bản tố tụng tại địa phương và nơi cư trú theo quy định của pháp luật. Do không thể tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông K,

Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng như Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi có tài sản thế chấp của ông K do Ngân hàng cung cấp.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn có rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tiền lãi phạt là 24.289.126 đồng và phần hoàn lãi ưu đãi là 35.200.000 đồng.

Giữ nguyên yêu cầu buộc ông Lê Trung K có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T tính đến ngày xét xử sơ thẩm (28/11/2018) các khoản nợ gốc quá hạn 835.495.458 đồng; nợ lãi trong hạn và quá hạn 168.301.137 đồng.

Tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng và thực hiện việc xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hoằng Hóa tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc còn lại, lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng, thực hiện các hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo đã ký kết và chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng T với ông Lê Trung K đã ký kết hợp đồng số 1, mục đích sử dụng là vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình. Hợp đồng số 2, mục đích sử dụng là mua xe ôtô vận tải nhãn hiệu DONGFENG. Hộ ông Lê Trung K được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 26V8. 005923, ngành nghề kinh doanh là dịch vụ vận tải hàng hóa. Việc Ngân hàng T khởi kiện hai hợp đồng trong đó có một hợp đồng vay với mục đích vay tiêu dùng và một hợp đồng vay với mục đích tạo vốn kinh doanh, mặc dù mục đích vay của hai hợp đồng khác nhau nhưng đều cùng nguyên đơn, cùng bị đơn và đều là một quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên đều thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh

Thanh Hóa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Trung K như: Thông báo về việc thụ lý vụ án (ông K đã nhận); Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, lần 2; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập để giải quyết vụ án tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi có tài sản thế chấp của ông Kiên, nhưng ông Kiên đều vắng mặt không có lý do (các văn bản còn được giao thông qua mẹ ông K là bà Nguyễn Thị N). Do đó, căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giao giấy triệu tập cho anh K và anh K đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp địa chỉ khác, được coi là cố tình giấu địa chỉ (thực tế anh K vẫn về và cư trú tại thôn 7, xã Q, huyện Hoằng Hóa) và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung, tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng cho đương sự theo quy định tại Chương X của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn không ảnh hưởng đến tính khách quan khi giải quyết vụ án, đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và các quy định khác có liên quan của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về các yêu cầu của nguyên đơn: Ngân hàng T và ông Lê Trung K ký kết hai hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng số 1; số tiền vay 500.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình; phương thức giải ngân 01 lần bằng theo phương thức chuyển khoản; thời gian vay 48 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 12%/năm; mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 01/4/2015; mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,0%/ năm. Các kỳ trả nợ gốc và lãi: Bên vay phải trả nợ gốc và nợ lãi cho bên ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 09 hàng tháng, tổng cộng 48 kỳ; kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên vào ngày 09/4/2015. Gốc và lãi trả theo phương thức niên kim đều.

- Hợp đồng số 2; số tiền vay 880.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: Mua xe ôtô nhãn hiệu DONGFENG; phương thức giải ngân 01 lần bằng hình thức chuyển khoản; thời gian vay 72 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 8,99%/năm; mức lãi suất này sẽ được

cố định trong vào 24 tháng kể từ ngày giải ngân; hết thời hạn 24 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 01/01/2018; mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,5%/ năm. Các kỳ trả nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc cho bên ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng, tổng cộng 72 kỳ, kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên vào ngày 10/12/2015. Số tiền nợ gốc mà bên vay phải trả mỗi kỳ là 12.222.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 12.238.000 đồng vào ngày 10/11/2021. Các kỳ trả nợ lãi: Bên vay phải trả tiền lãi cho bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10; kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 10/12/2015.

Ngân hàng T đã thực hiện việc giải ngân theo Khế ước nhận nợ ngày 09/3/2015 và Khế ước nhận nợ ngày 11/11/2015. Thực hiện theo hợp đồng cam kết ông Lê Trung Kiên đã thực hiện hợp đồng số 1 đã trả số tiền gốc là 214.510.542 đồng, lần trả gần đấy nhất vào ngày 10/12/2017, dư nợ gốc đến nay là 285.489.458 đồng; Hợp đồng số 2 đã trả số tiền gốc là 329.994.000 đồng, lần trả gần đây nhất vào ngày 12/02/2018, dư nợ gốc đến nay là 550.006.000 đồng; Theo cam kết hợp đồng số 1 "bên vay phải trả nợ gốc và nợ lãi cho bên ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 09 hàng tháng", hợp đồng số 2 "bên vay phải trả nợ gốc cho bên ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng". Đến hạn trả nợ gốc ông Kiên không thực hiện theo cam kết vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông K về việc xác nhận nợ và nợ quá hạn, ngày 30/3/2018 ông K đã làm đơn đề nghị Ngân hàng gia hạn nợ, cam kết từ tháng 4 đến 30/6/2018 sẽ trả hết cả lãi và gốc hàng tháng, nhưng ông K không thực hiện cam kết do đó ngày 20/6/2018 Ngân hàng đã Quyết định khởi kiện và Thông báo khởi kiện ông Lê Trung K, Thông báo được giao cho ông Lê Văn T (bố ông K nhận), như vậy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông K là có căn cứ chấp nhận. Số tiền gốc đến ngày 28/11/2018 của hợp đồng số 1 là 285.489.458 đồng và hợp đồng số 2 là 550.006.000 đồng buộc ông Lê Trung K phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T.

[4] Đối với khoản trả lãi: Hợp đồng số 1 lãi suất tại thời điểm giải ngân là 12%/năm; mức lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm; mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,0%/ năm. Hợp đồng số 2 lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8,99%/năm; mức lãi suất này sẽ được cố định trong vào 24 tháng kể từ ngày giải ngân; hết thời hạn 24 tháng, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 01/01/2018; mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng

tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,5%/ năm. Mức lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh phát sinh nợ quá hạn. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi theo các kỳ trả nợ. Như vậy trên số nợ gốc đến thời điểm hiện nay và theo cam kết của hợp đồng thì tính đến ngày 28/11/2018 số tiền nợ lãi bao gồm trong hạn và quá hạn của ông Lê Trung K của hợp đồng số 1 là 95.731.308 đồng; hợp đồng số 2 là 72.569.829 đồng. Buộc ông Kiên có nghĩa vụ trả nợ số tiền lãi cho Ngân hàng T.

Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, thì ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này và nếu trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay". Theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm. Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Đối với khoản yêu cầu tiền lãi phạt chậm trả lãi 28.897.115 đồng và hoàn lãi ưu đãi 35.200.000 đồng thấy rằng, tại phiên tòa Ngân hàng T đã rút yêu cầu này, việc rút yêu cầu là tự nguyện và phù hợp với việc trong việc tính lãi đã áp dụng lãi quá hạn đó là việc áp dụng của việc vi phạm hợp đồng nên chỉ áp dụng một biện pháp áp dụng phạt hợp đồng và phần lãi ưu đãi đã được thực hiện theo hợp đồng số 2 đã ký kết. Do đó đình chỉ yêu cầu về phạt chậm trả lãi 28.897.115 đồng và hoàn lãi ưu đãi 35.200.000 đồng của Ngân hàng.

[6] Các hợp đồng thế chấp gồm: Tài sản bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng số 1 gồm xe ôtô tải có mui, nhãn hiệu DONGFENG, Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 007171 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 27/01/2015, số khung D656E3811170, số máy 153087969652, biển kiểm soát 36C-087.54, mang tên chủ sở hữu ông Lê Trung K, địa chỉ tại thôn 7, xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, theo hợp đồng thế chấp số 2969473/HĐTC ngày 05/3/2015 tại Văn phòng công chứng T, tỉnh Thanh Hóa.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng số 2 gồm xe ôtô tải có mui, nhãn hiệu DONGFENG, Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 018624 do Phòng Cảnh sát giao thông

Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 03/11/2015, số khung M6X7F4053153, số máy 153078158577, biển kiểm soát 36C-139.86, đứng tên chủ sở hữu ông Lê Trung K, địa chỉ tại thôn 7, xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, theo hợp đồng thế chấp số 5129798/HĐTC ngày 10/11/2015 đã đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng thông báo việc kê biên ngày 10/11/2015.

Để bảo đảm cho các khoản vay của 02 hợp đồng tín dụng, Ngân hàng và ông K đã ký kết hai hợp đồng thế chấp, được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng T, tỉnh Thanh Hóa và đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng thông báo việc kê biên. Tài sản bảo đảm của hợp đồng thế chấp thuộc quyền sở hữu của ông Lê Trung K và hiện nay ông K đang quản lý sử dụng, như vậy hợp đồng thế chấp trên được hai bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật cả về hình thức và nội dung. Do đó, khi ông K không trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị xử lý hợp đồng thế chấp là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng T được chấp nhận, do đó ông Lê Trung K chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 342, 343, 351, 471, 473 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Điều 317, 318, 323, 463, 465 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm. Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần T đối với ông Lê Trung K.

2. Buộc ông Lê Trung K phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T số tiền sau:

- Theo hợp đồng tín dụng số 2969473/HĐTD ngày 10/3/2015 tính đến ngày 28/11/2018 là: Nợ gốc 285.489.458 đồng; số nợ lãi trong hạn và quá hạn là 95.731.308 đồng; cộng 381.220.766 đồng (*Ba trăm tám mươi mốt triệu, hai trăm hai mươi nghìn, bảy trăm sáu mươi sáu đồng*).

- Theo hợp đồng tín dụng số 5129798/HĐTD ngày 10/11/2015 tính đến ngày 28/11/2018 là: Nợ gốc 550.006.000 đồng; số nợ lãi trong hạn và quá hạn 72.569.829 đồng; cộng 622.575.829 đồng (*Sáu trăm hai mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm hai mươi chín đồng*).

Tổng số tiền phải trả của hai hợp đồng là **1.003.796.595** đồng (*Một tỷ, ba triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm chín mươi lăm đồng*).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bên vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Sau khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo các hợp đồng thế chấp:

Hợp đồng thế chấp xe ôtô số 2969473 ngày 05 tháng 3 năm 2015 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần T với ông Lê Trung K tại Văn phòng công chứng T, tỉnh Thanh Hóa.

Hợp đồng thế chấp xe ôtô số 5129798 ngày 10 tháng 11 năm 2015 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần T với ông Lê Trung K đã đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng thông báo việc kê biên ngày 10/11/2015.

5. Đình chỉ phần yêu cầu phạt lãi chậm trả 28.897.115 đồng và phần hoàn trả lãi ưu đãi 35.200.000 đồng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Th.

6. Án phí: Ông Lê Trung K phải chịu 42.113.897 đồng (*Bốn mươi hai triệu một trăm mười ba nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T số tiền 20.700.000 đồng (*Hai mươi triệu bảy trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/0004356 ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa.*
- *VKSND huyện Hoằng Hóa.*
- *Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Thắng